



MÔN TIẾNG MÔNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC SONG NGỮ - QUAN ĐIỂM, NGUYÊN TẮC BIÊN SOẠN VÀ CẤU TRÚC

ThS. DƯƠNG THỊ THANH HƯƠNG

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

1. Đặt vấn đề

Nằm trong một quốc gia đa dân tộc, dân tộc Mông được coi là một thành viên quan trọng trong cộng đồng các dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Dân tộc Mông cư trú ở độ cao từ 800 đến 1500m so với mực nước biển, gồm hầu hết các tỉnh miền núi phía Bắc trong một địa bàn khá rộng lớn, dọc theo biên giới Việt - Trung và Việt - Lào từ Lạng Sơn đến Nghệ An. Họ tập trung chủ yếu ở các tỉnh thuộc Đông và Tây Bắc Việt Nam như: Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu, Sơn La... và một số địa phương thuộc Gia Lai và Kon Tum. Theo Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009, người Mông ở Việt Nam có dân số 1.068.189 người, đứng hàng thứ 8 trong bảng danh sách các dân tộc ở Việt Nam, cư trú tại 62 trên tổng số 63 tỉnh, thành phố. Trong Chương trình Nghiên cứu thực hành Giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ, tiếng Mông là một trong ba ngôn ngữ được tiến hành thử nghiệm và địa phương thử nghiệm là Lào Cai - một tỉnh có mật độ cư trú của người Mông khá đông và thuần chất. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi trình bày ngắn gọn quan điểm xây dựng và phát triển, nguyên tắc biên soạn, cấu trúc chương trình môn Tiếng Mông thuộc Chương trình Giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ để có một cái nhìn chung nhất về môn học này.

2. Mục tiêu của chương trình môn Tiếng Mông trong Chương trình Giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ

- Chương trình môn Tiếng Mông nhằm hình thành và phát triển ở học sinh (HS) kĩ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Mông, góp phần rèn luyện các thao tác tư duy để học tốt môn Tiếng Việt và các môn học khác; cùng với tiếng Việt tham gia vào các hoạt động giáo dục trong nhà trường;

- Cung cấp những kiến thức cần thiết về ngữ âm, chữ viết, từ vựng, ngữ pháp tiếng Mông, phục vụ yêu cầu rèn luyện kĩ năng và thực hành giao tiếp;

- Mở rộng hiểu biết về con người, cuộc sống, văn hoá, ngôn ngữ của cộng đồng dân tộc Mông và các cộng đồng dân tộc khác trên đất nước Việt Nam;

- Bồi dưỡng tình yêu tiếng mẹ đẻ, góp phần giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc; phát triển nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

3. Quan điểm xây dựng và phát triển chương trình

3.1. Dạy tiếng Mông theo quan điểm giao tiếp

Chương trình dạy tiếng Mông gắn với việc tạo ra những tình huống giao tiếp để giúp HS thực hành, mở rộng vốn từ, phát triển kĩ năng. Theo hướng này, HS có thể sử dụng những kiến thức đã học để nâng cao chất lượng giao tiếp trong cộng đồng, đồng thời có một công cụ học tập tốt nhất ở nhà trường. Các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp được trang bị thông qua hoạt động giao tiếp. Theo quan điểm giao tiếp, chương trình quan tâm đến việc rèn luyện 4 kĩ năng nghe, nói, đọc, viết và hướng việc dạy tiếng theo đơn vị lời nói; lấy

đơn vị lời nói làm cơ sở để dạy âm vần. Việc dạy tiếng Mông cho HS vẫn vận dụng nguyên tắc dạy từ đơn giản đến phức tạp nhưng không máy móc (dạy tiếng theo quan điểm cấu trúc) kéo dài thời gian một cách không cần thiết. Ở đây coi vốn hiểu biết và thực tế giao tiếp hàng ngày của HS như là một điều kiện thuận lợi để đẩy nhanh việc dạy tiếng cho các em.

3.2. Dạy tiếng Mông dựa trên kinh nghiệm và vốn hiểu biết của HS

HS Mông trước khi đến trường đã có vốn từ ngữ và khả năng sử dụng tiếng mẹ đẻ khá tốt trong giao tiếp thông thường ở môi trường gia đình, thôn bản. Khả năng giao tiếp khẩu ngữ là một vốn quý giúp HS nâng cao chất lượng giao tiếp khẩu ngữ, đồng thời là "cơ sở vật chất" khi học kí tự và các quy tắc sử dụng để có được khả năng đọc, viết; giúp HS vượt qua nhiều giai đoạn học tiếng, trong đó có giai đoạn luyện phát âm. Trong quá trình giảng dạy, giáo viên cần có thể khai thác khả năng hiểu nghĩa của từ và tạo cơ hội mở rộng vốn từ cho HS trên cơ sở từ đồng nghĩa, trái nghĩa. Vận dụng phương pháp này, giáo viên cần quan tâm giúp HS phát triển ngôn ngữ theo hướng từ ngôn ngữ tự nhiên tới ngôn ngữ văn hoá.

3.3. Dạy tiếng Mông kết hợp với dạy văn hoá Mông

Nghi thức lời nói, cách dùng từ, đặt câu, tu từ của bất cứ ngôn ngữ nào cũng mang màu sắc văn hoá. Dạy ngôn ngữ Mông trong nhà trường bao gồm dạy văn hoá, giáo dục văn hoá. Văn hoá truyền thống của đồng bào Mông là tài sản vô cùng quý giá. Các nét đặc sắc văn hoá tinh thần, văn hoá vật chất (phong tục trong sản xuất, phong tục ẩm thực, ăn mặc, phong tục trong chu kì đời người...) của đồng bào Mông được giới thiệu thành bài lồng trong các chủ đề gia đình, quê hương, đất nước. Tiếng Mông đã lưu giữ và tiếp sức cho văn hoá và là thành tố quan trọng của văn hoá. Trong chương trình, ngôn ngữ mà HS được học là ngôn ngữ văn hoá: Ngôn ngữ được chất lọc, có lượng thông tin và biểu cảm cao. Kho tàng văn học dân gian Mông rất phong phú với các thể loại truyện cổ, tục ngữ, thơ ca dân gian được khai thác rộng rãi, vừa được dùng làm ngữ liệu để dạy tiếng, vừa truyền bá văn hoá của người Mông.

3.4. Dạy tiếng Mông theo quan điểm tích hợp, đồng tâm và phát triển

Quan điểm tích hợp trong chương trình được thể hiện trong việc tích hợp cả 4 kĩ năng: Dạy nghe, nói gắn liền với dạy đọc, viết. Các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp về cơ bản không có bài học riêng mà được cung cấp qua các bài rèn luyện kĩ năng. Quan điểm này cũng thể hiện trong việc dạy tiếng kết hợp với dạy văn hoá truyền thống, khai thác văn hoá truyền thống để làm ngữ liệu dạy tiếng. Một số kiến thức về tự nhiên - xã hội cũng được đan lồng vào các chủ đề dạy tiếng.

Chương trình dạy tiếng Mông cũng phản ánh

quan điểm tích hợp chung trong Chương trình Giáo dục song ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ. Chương trình dạy tiếng Mông sớm trang bị cho HS các thuật ngữ khoa học, thuật ngữ văn hóa thông qua các lớp từ công cụ (Ví dụ: Với môn Toán là lớp từ chỉ số, chỉ thứ tự, chỉ phép tính, từ chỉ thời gian diễn biến; với môn Mĩ thuật: Các từ chỉ màu sắc, đường nét, hình khối...) làm phong phú và giàu có hơn vốn từ vựng của HS Mông nói riêng và vốn từ vựng của dân tộc Mông nói chung. Chương trình phát triển với tốc độ nhanh trong giai đoạn cơ sở (lớp 1, 2, 3) và giảm dần ở giai đoạn nâng cao (lớp 4, 5) nhằm tạo nền tảng về kiến thức và kĩ năng giúp HS học tốt tiếng Việt.

Quan điểm đồng tâm và phát triển được thể hiện trong việc cung cấp kiến thức ngôn ngữ, kiến thức đời sống và rèn luyện các kĩ năng ngôn ngữ không chỉ một lần mà cung cấp, rèn luyện nhiều lần, thành vòng, thành bậc từ lớp 1 đến lớp 5. Có những kiến thức ở lớp 1, 2 mới cung cấp đơn lẻ thông qua con đường thực hành, tập nhưng đến lớp 4, 5 các kiến thức ấy được hệ thống lại và hình thành khái niệm. Có kĩ năng ở lớp dưới được rèn luyện ở mức độ thấp nhưng đến lớp trên được nhắc lại, rèn luyện ở mức độ cao hơn. HS có thể tận dụng những kiến thức và kĩ năng đã được trang bị để học các kiến thức mới. Chủ đề nội dung từ lớp 1 đến lớp 5 được xây dựng trên "chủ đề gốc/truyền thống" như thiếu nhi, gia đình, nhà trường, quê hương, đất nước nhưng mức độ, phạm vi đời sống được nâng cao hơn, mở rộng hơn ở các lớp sau; phù hợp với nhận thức và tâm lí lứa tuổi của HS. Các kiến thức về văn hoá dân tộc cũng được giới thiệu với cách thức như vậy.

3.5. Dạy tiếng Mông nhằm giúp HS học tốt tiếng Việt

Tiếng Mông sử dụng kí tự Latin, đồng dạng kí tự với tiếng Việt. Đây là điều kiện rất thuận lợi cho việc chuyển di tích cực riêng về mặt kí tự. Quy tắc viết chính tả tiếng Mông có một số điểm khác quy tắc chính tả tiếng Việt. Nhưng khi đã được học tiếng Mông với tư cách ngôn ngữ mẹ đẻ, những kinh nghiệm mà HS có được, trong đó có một số nét phổ quát của ngôn ngữ loài người cũng được chuyển di như tính vô đoán giữa vô âm thanh và nghĩa, đặc điểm chung của từ loại, kiến thức chung về thể loại văn bản... Trong việc học tiếng còn có vấn đề chuyển di quá trình và chuyển di hành vi. Các hiện tượng chuyển di này diễn ra tự nhiên. Trong chương trình tiếng Mông, việc dạy đọc - viết và các kiến thức tiếng Mông có sớm hơn học tiếng Việt. Và như thế, quá trình học tiếng Việt ở lớp 3, 4, 5 sẽ nhanh hơn trong việc cung cấp các kiến thức có tính lí thuyết, tập trung cho hoạt động thực hành. Các chủ đề nội dung trong chương trình tiếng Mông được xây dựng sát với chủ đề nội dung trong chương trình tiếng Việt, nhờ đó HS có điều kiện hiểu sâu sắc ngữ cảnh và vốn từ được học trong chương trình tiếng Việt.

4. Nguyên tắc xây dựng chương trình môn Tiếng Mông

Môn Tiếng Mông trong Chương trình Giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ được xây dựng dựa trên Chương trình môn Tiếng Việt phổ thông cấp Tiểu học hiện hành và được đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Quán triệt mục tiêu và chuẩn kiến thức kĩ năng của Chương trình môn Tiếng Việt phổ thông cấp Tiểu học;
- Điều chỉnh tiếng Việt và tiếng Mông phù hợp với phương pháp tiếp cận song ngữ linh hoạt. Chuẩn ngôn

ngữ tiếng Việt phù hợp với trình độ của người học tiếng Việt với tư cách là ngôn ngữ thứ 2; đối với các môn học khác như Toán, Tự nhiên - xã hội, Lịch sử, Địa lí, Khoa học, Mĩ thuật, Âm nhạc, Thể dục, Thủ công, Kĩ thuật,... cũng sử dụng linh hoạt cả hai ngôn ngữ để dạy và học, kết thúc chương trình vẫn đảm bảo chuẩn kiến thức như chương trình quốc gia;

- Phù hợp hơn với đặc điểm ngôn ngữ, văn hoá dân tộc Mông và trình độ nhận thức, điều kiện học tập của trẻ em dân tộc Mông;

- Đảm bảo liên thông giữa chương trình mầm non và Tiểu học; thể hiện quan điểm tích hợp trong môn học và giữa các môn học.

5. Cấu trúc nội dung môn Tiếng Mông

5.1. Giai đoạn cơ sở ứng với lớp 1, 2, 3

Trang bị cho HS những kĩ năng và kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng ngữ pháp tiếng Mông; các kiến thức về kiểu bài, các kiến thức về văn học và văn hoá Mông. Phần lớn thời gian dạy học trong chương trình nằm ở giai đoạn này, nhằm giúp HS có những kĩ năng và kiến thức cơ bản về tiếng Mông làm cơ sở và công cụ để học tập các bộ môn khoa học khác, đồng thời làm nền tảng để học tốt tiếng Việt theo tinh thần giáo dục song ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ.

5.1.1. Môn Tiếng Mông ở lớp 1, 2

- Lớp 1, 2, môn Tiếng Mông được biên soạn hoàn toàn bằng chữ và tiếng Mông;

- Thời lượng giảng dạy: Lớp 1: 9 tiết/tuần; Lớp 2: 8 tiết/tuần (Học kì I), 7 tiết/tuần (Học kì II). Thời lượng này đảm bảo để HS Mông nhanh chóng biết đọc, viết tiếng Mông, có được công cụ tốt để học các môn khác;

- Về cấu trúc môn tiếng Mông lớp 1, từ bài 1 đến bài 74 học về âm, vần, thanh điệu và các kĩ liệu thanh điệu; cách ghép âm, vần và thanh điệu. Từ giữa kì II đến hết chương trình lớp 1 và toàn bộ chương trình lớp 2 chuyển sang học các phân môn trong môn Tiếng Mông như Tập đọc, Tập viết, Chính tả, Kể chuyện nhưng ở mức độ đơn giản, Luyện từ và câu.

5.1.2. Môn Tiếng Mông ở lớp 3

Từ lớp 3, môn Tiếng Việt của Chương trình Giáo dục song ngữ bắt đầu dạy hai kĩ năng đọc, viết tiếng Việt nên thời lượng cần ưu tiên cho môn Tiếng Việt (8 tiết/tuần). Môn Tiếng Mông giảm thời lượng còn 5 tiết/tuần. Cấu trúc môn Tiếng Mông lớp 3 gồm các phân môn Tập đọc, Chính tả, Kể chuyện, Luyện từ và câu, Tập làm văn. Trong đó, phân môn Chính tả và Kể chuyện được luân phiên nhau ở các tuần suốt trong cả năm học.

5.2. Giai đoạn nâng cao ứng với lớp 4, 5

Giai đoạn nâng cao (ứng với lớp 4, 5) môn Tiếng Mông tiếp tục bổ sung, nâng cao kiến thức về từ vựng và ngữ pháp tiếng Mông, cung cấp các kiến thức đặc thù nhưng ít xuất hiện hơn trong các tình huống giao tiếp, đồng thời hoàn thiện một bước các kĩ năng nghe - nói, đọc - viết, hệ thống hoá các kiến thức đã học. Thời lượng môn học tiếp tục giảm, còn 3 tiết/tuần.

Về cấu trúc, do số tiết học còn ít nên sách chỉ tập trung vào 3 phân môn Tập đọc, Luyện từ và câu, Tập làm văn. Chính tả được tích hợp vào Tập làm văn; Kể chuyện được tích hợp vào Tập đọc và Tập làm văn. Với mục tiêu nhằm rèn luyện cả 4 kĩ năng nghe, nói, đọc, viết. Các đề

(Xem tiếp trang 64)